

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/HN-ST

Ngày: 30/10/2017

Về việc: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân : 1/Ông Phan Trường Khoa;

2/Ông Nguyễn Văn Xuôi;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham dự phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐST-HN ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mạc Hồng N, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mạc Hồng N trình bày: Hôn nhân là do hai bên tự tìm hiểu, quen biết và được sự đồng ý của gia đình, anh chị đi đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2006. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xuyên cự cãi, gia đình sống không hạnh phúc đến tháng 01 năm 2010 thì chị C bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống và anh, chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung: có hai người gồm: Mạc Gia V, sinh ngày 17/02/2007 và Mạc Hồng N1, sinh ngày 27/11/2008, hiện đang sống với anh N.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị.

Nay, về hôn nhân: anh xin được ly hôn với chị C. Về con chung: tùy theo nguyện vọng của các con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với anh thì anh chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về số nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị Ngọc C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh N về thời điểm hai bên xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng, chị C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có cự cãi với cha chồng và bị cha chồng đuổi về nhà cha, mẹ ruột ở và hai người bắt đầu sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay.

Nay, Về hôn nhân: chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại; Nếu pháp luật giải quyết ly hôn; Về con chung: tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu các con sống với chị thì chị chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 650.000 đồng/người/tháng, cấp dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Mạc Hồng N. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh N được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc C Về con chung: Công nhận cho anh Mạc Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai người gồm: Mạc Gia V, sinh ngày 17/02/2007 và Mạc Hồng N1, sinh ngày 27/11/2008. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nợ chung phải thu, phải trả: Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hôn nhân:** Anh Mạc Hồng N và chị Trần Thị Ngọc C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06/02/2007 nên hôn nhân giữa anh N và chị C là hợp pháp.

Theo nguyên đơn anh Mạc Hồng N trình bày: Việc anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị C là do hai bên tìm hiểu, quen biết nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2006, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nay, anh xét thấy hôn nhân không thể đạt được nữa, anh có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với chị C. Riêng chị C mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy, căn cứ Luật hôn nhân gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa anh N và chị C, đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế, mỗi khi anh N đi uống rượu thì dẫn đến vợ chồng cự cãi với nhau được chị C thừa nhận tại phiên tòa hôm nay, hiện tại hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau nữa. Tại hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, anh N thừa nhận không còn tình thương yêu chị C nữa. Nếu pháp luật cho đoàn tụ thì anh vẫn không thể trở về sống chung với chị C được nữa. Từ những phân tích trên, xét thấy mục đích hôn nhân của anh N và chị C không đạt được nữa nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N xin được ly hôn với chị C là phù hợp tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] **Về con chung:** Em Mạc Gia V, sinh ngày 17/02/2007 và Mạc Hồng N1, sinh ngày 27/11/2008 đến nay đã đủ 07 tuổi và nguyện vọng của hai em mong muốn được sống chung với anh N và anh N cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hai con. Tuy nhiên, giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và

quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét về điều kiện hiện nay của anh N ổn định, thu nhập trong cuộc sống ổn định đủ đảm bảo nuôi dưỡng các con trong cuộc sống nên có căn cứ chấp nhận theo nguyện vọng của hai em Mạc Gia V và Mạc Hồng N1 nên có căn cứ công nhận cho anh N được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Mạc Gia V, sinh ngày 17/02/2007 và Mạc Hồng N1, sinh ngày 27/11/2008 là phù hợp với điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh N chưa đặt ra về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] **Về tài sản chung:** Hai bên không đặt ra yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, chị C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Xin ly hôn của anh Mạc Hồng N.

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Mạc Hồng N được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc C.

[2] **Về con chung:** Công nhận cho anh Mạc Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai người gồm: Mạc Gia V sinh ngày 17/02/2007 và Mạc Hồng N1, sinh ngày 27/11/2008.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết

[4] **Về tài sản chung:** Hai bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] **Nợ chung phải thu, phải trả:** Hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Mạc Hồng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015 00010243 ngày 26/9/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Anh N đã nộp đủ án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Kim Nhung